

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**
Số: 36/2022/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Mỹ Tho, ngày 07 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO

Căn cứ vào khoản 4 Điều 397, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 29/2022/TLST-HNGĐ ngày 28/02/2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1996

Địa chỉ cư trú: ấp Long T, xã L, huyện C, tỉnh T.

2. Chị Mai Hồ Thúy V, sinh năm 1998

Địa chỉ cư trú: Số 285 ấp 3B, xã Đ, thành phố M, tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu T và chị Mai Hồ Thúy V tự nguyện kết hôn vào năm 2017 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long An, huyện Châu Thành, tỉnh T vào ngày 23/3/2017 nên hôn nhân giữa anh T và chị Thúy V là hợp pháp. Sau khi kết hôn, thời gian đầu anh, chị chung sống hạnh phúc nhưng đến giữa năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, đã nhiều lần cho nhau cơ hội hàn gắn hôn nhân nhưng không có kết quả. Nay nhận thấy tình cảm vợ, chồng không còn, không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ hôn nhân nên anh, chị thống nhất yêu cầu tòa án giải quyết cho anh, chị được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Đình Q, sinh ngày 08/4/2017 và Nguyễn Mai Thiên T, sinh ngày 04/4/2020. Anh T và chị Thúy V thống nhất anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q, chị Thúy V là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T và chị Thúy V được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

[3] Về T sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

[5] Về lệ phí: Anh T và chị Thúy V mỗi người chịu 150.000 đồng

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Hữu T và chị Mai Hồ Thúy V

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Đình Q, sinh ngày 08/4/2017 và Nguyễn Mai Thiên T, sinh ngày 04/4/2020. Anh T và chị Thúy V thống nhất anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q, chị Thúy V là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do anh T chị Thúy V chưa có yêu cầu.

Anh Nguyễn Hữu T và chị Mai Hồ Thúy V được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Hữu T và chị Mai Hồ Thúy V mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng mà anh T và chị Thúy V đã nộp theo biên lai thu số 0004841 và 0004842 ngày 28/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M xem như anh T và chị Thúy V đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP M;
- UBND xã Long An- CT- TG;
- Lưu hồ sơ.

Ngô Thanh Sơn

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 31-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định.

(3) và (4) Ghi điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình.

(5) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm thụ lý việc hôn nhân và gia đình.

(6) Ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú của người yêu cầu;

(7) Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(8) Ghi nhận định của Tòa án về những nội dung mà các đương sự thỏa thuận được theo Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

Mẫu số 32-VDS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐTP ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)